TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2021/HNGĐ – ST
Ngày 20/8/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2021/TLST – HNGĐ, ngày 19/01/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Ly N, sinh năm 1982; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 10/5/2021;

Nơi cư trú: thôn P, xã T, thành phố Qi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* anh Phạm Tài T, sinh năm 1977; vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 không có lý do;

Nơi cư trú: Đội X, thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Ly N trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Ly N và anh Phạm Tài T có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 30/5/2017.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống tại nhà riêng của chị cho đến tháng 9/2019 anh T về quê ở xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống, thỉnh thoảng anh T có ghé thăm con một lần. Mặc dù, chị N nhiều lần khuyên anh T về sống chung để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh T không về dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như học tập của con.Từ ngày 01/12/2019 đến nay, vợ chồng chính thức ly thân. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Tài T.

Về con chung: Chị Trần Thị Ly N và anh Phạm Tài T có 01 con chung là Phạm Tài Đức T1, sinh ngày 21/01/2018 sinh sống cùng chị N từ khi sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ly N xác định không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Trần Thị Ly N xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản.

Ý kiến đề nghị lập luận của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải… nhưng anh Phạm Tài T vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Ly N đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Phạm Tài T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị tiến hành giải quyết vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ly N được ly hôn anh Phạm Tài T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Tài Đức T1, sinh ngày 21/01/2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ly N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Thị Ly N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Tài T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đối với bị đơn anh Phạm Tài T, trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 29/2021/TBTL-VA ngày 21/01/2021, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 61/TB-TA ngày 07/4/2021 để anh Phạm Tài T thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh không có văn bản phản hồi ý kiến, không tham gia phiên họp, không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án*", Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu khởi kiện của chị N.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn và biên bản xác minh ngày 05/5/2021 tại UBND xã B về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Ly N và anh Phạm Tài T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống được một thời gian thì ly thân mỗi người mỗi nơi; chị Nsinh sống tại thành phố Q, anh T sinh sống tại xã B, huyện S. Trước khi chị N khởi kiện đến Tòa án thì vợ chồng anh, chị đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Việc anh, chị không sống chung với nhau trong thời gian dài thể hiện tình nghĩa vợ chồng anh, chị không còn và không có nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ và có nghĩa vụ chung sống với nhau...",* tuy nhiên, chị N và anh T không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và không còn sống chung với nhau; điều này thể hiện tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên tự sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho anh T đến tham gia phiên họp hòa giải nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và không mong muốn đoàn tụ sống chung với chị N. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và không mong muốn đoàn tụ. Cả hai bên đều không muốn đoàn tụ sống chung với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử đủ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ly N về việc ly hôn với anh Phạm Tài T là phù hợp với tình trạng hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:* chị Trần Thị Ly N và anh Phạm Tài T có 01 con chung là Phạm Tài Đức T1, sinh ngày 21/01/2018 đang ở với chị N. Xét thấy, cháu T1 còn nhỏ tuổi và do chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến nay. Hội đồng xét xử cần giao cháu T1 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn nhằm đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt của cháu T1. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị N xác định không có, không xem xét giải quyết.

[2.4] Về *nghĩa vụ tài sản chung:* Chị N xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chị Trần Thị Ly N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ xong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.6] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ly N được ly hôn với anh Phạm Tài T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Tài Đức T1, sinh ngày 21/01/2018 cho chị Trần Thị Ly N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Ly N xác định không có, không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Trần Thị Ly N xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Trần Thị Ly N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2018/0003564, ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Chị Trần Thị Ly N và anh Phạm Tài T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Toại